BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **TỔNG CỤC THỐNG KÊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 146/BC-TCTK	*Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2024*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG BẢY VÀ 7 THÁNG NĂM 2024

Những ngày tháng Bảy vừa qua, Nhân dân cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài cùng bạn bè quốc tế vô cùng thương tiếc tiễn biệt Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng - Người Cộng sản kiên trung, trọn một đời cống hiến cho đất nước, cho Đảng, cho Nhân dân. Di sản mà Tổng Bí thư để lại là nguồn cảm hứng, là động lực to lớn giúp chúng ta vượt mọi trở ngại, khó khăn cùng nhau vững bước trên con đường Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Trong bảy tháng năm 2024, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức trước diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới. Các bộ, ngành và địa phương đã nghiêm túc, quyết liệt thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ nhằm đạt kết quả cao nhất mục tiêu đề ra. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội tháng Bảy và bảy tháng của nước ta duy trì xu hướng tích cực, các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo đà tăng trưởng cho các tháng, quý tiếp theo.

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung đẩy nhanh tiến độ gieo cấy lúa mùa, lúa thu đông, chăm sóc lúa hè thu và thu hoạch lúa hè thu sớm. Chăn nuôi phát triển ổn định, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm được kiểm soát. Sản xuất lâm nghiệp đẩy mạnh công tác trồng rừng tập trung và hoạt động khai thác gỗ do giá gỗ tăng cao. Nuôi trồng thủy sản tăng trưởng tích cực nhờ áp dụng các phương thức nuôi trồng tiên tiến, hiệu quả. Khai thác thủy sản biển đạt khá do thời tiết tương đối thuận lợi.

a) Nông nghiệp

Lúa mùa

Tính đến ngày 15/7/2024, cả nước gieo cấy được 1.206,9 nghìn ha lúa mùa, bằng 99,5% cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc gieo cấy 852,5 nghìn ha, bằng 99,3%; các địa phương phía Nam gieo cấy 354,4 nghìn ha, tương đương cùng kỳ năm trước. Hiện các trà lúa đã gieo cấy đang trong giai

đoạn phát triển tương đối tốt. Theo dự báo, trong thời gian tới thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường, khả năng xuất hiện nhiều cơn bão, áp thấp nhiệt đới bất thường tại các địa phương phía Bắc và nắng nóng, hạn hán gay gắt tại các địa phương phía Nam. Do đó, ngành Nông nghiệp và các địa phương cần tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn người dân các biện pháp chăm sóc lúa; duy trì mực nước thường xuyên, chủ động chống úng, chống hạn cục bộ kịp thời.

Lúa hè thu

Đến trung tuần tháng Bảy, cả nước gieo cấy được 1.902,2 nghìn ha lúa hè thu, bằng 99,6% cùng kỳ năm trước. Trong đó, các địa phương phía Bắc đạt 173,6 nghìn ha, bằng 100,6%; các địa phương phía Nam đạt 1.728,6 nghìn ha, bằng 99,5%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.465,9 nghìn ha, bằng 99,5%. Tiến độ xuống giống lúa hè thu năm nay chậm hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn từ đầu năm. Đến nay, phần lớn lúa hè thu đang ở thời kỳ sinh trưởng, đẻ nhánh, trổ đòng. Diện tích thu hoạch lúa hè thu sớm đạt 510,6 nghìn ha, bằng 105,7% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch 496,6 nghìn ha, bằng 105,6%.

Lúa thu đông

Tính đến ngày 15/7/2024, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống được 297,1 nghìn ha lúa thu đông, bằng 110,7% cùng kỳ năm trước, chủ yếu do một số địa phương đã tăng diện tích trên nền thu hoạch sớm vụ hè thu năm 2024. Hiện lúa thu đông trà đầu đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng, sinh trưởng và phát triển tốt. Do thời tiết mưa nhiều, độ ẩm và nhiệt độ cao, thuận lợi cho dịch bệnh nấm phát triển, ngành Nông nghiệp các địa phương cần khuyến cáo bà con nông dân thường xuyên thăm đồng ruộng, thực hiện tốt các biện pháp phòng, trị sâu bệnh nhằm bảo đảm sản xuất vụ lúa thu đông tốt nhất.

Cây hằng năm

Cùng với việc gieo cấy lúa, các địa phương trên cả nước đang tiến hành gieo trồng cây hoa màu. Tuy nhiên, diện tích ngô, lạc và đậu tương tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do hiệu quả kinh tế không cao; diện tích gieo trồng rau, đậu các loại giảm do thời tiết không thuận lợi nắng nóng kéo dài trong những tháng đầu hè và mưa nhiều trong thời gian gần đây. Riêng diện tích khoai lang tăng nhẹ do gần đây có nhiều giống khoai lang chất lượng tốt đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn nên người dân tăng diện tích trồng mới.

Hình 1. Diện tích gieo trồng một số cây hằng năm

(Tính đến trung tuần tháng 7/2024 so với cùng kỳ năm 2023)

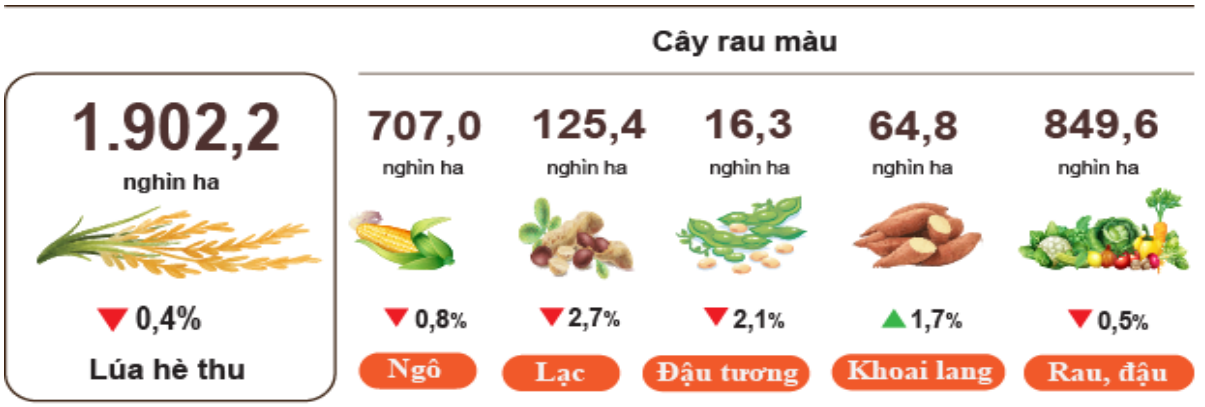

Chăn nuôi

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng có xu hướng giảm[1]. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển ổn định do người chăn nuôi chủ động được nguồn giống và giá thịt lợn hơi tăng trong những tháng gần đây[2]. Tuy vậy, người chăn nuôi vẫn cần theo dõi sát tình hình thị trường, các cơ quan chức năng cần cung cấp thông tin kịp thời, quản lý tốt tình hình chăn nuôi tại địa phương.

Hình 2. Tốc độ tăng/giảm số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 7/2024 so với cùng thời điểm năm trước

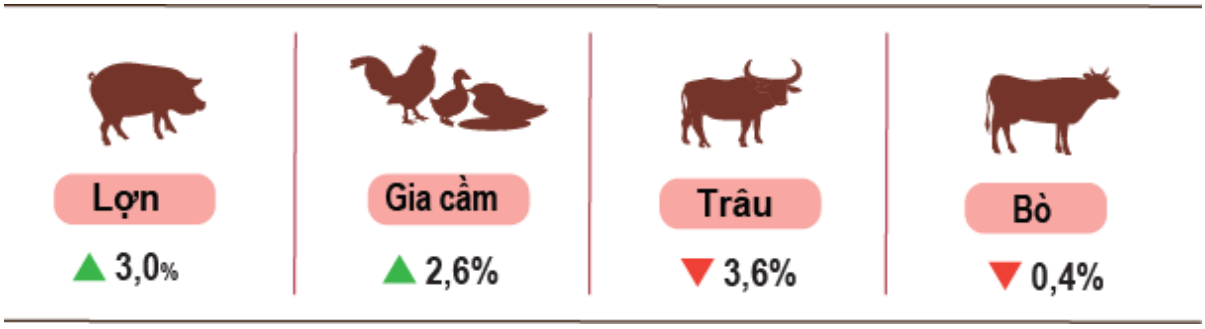

Tính đến ngày 23/7/2024, cả nước không còn dịch tai xanh; dịch lở mồm long móng và dịch cúm gia cầm còn ở Tiền Giang; dịch viêm da nổi cục còn ở 8 địa phương và dịch tả lợn châu Phi còn ở 25 địa phương[3] chưa qua 21 ngày.

b) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng 7/2024 ước đạt 13,8 nghìn ha, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Một số tỉnh có tiến độ trồng rừng tăng cao: Quảng Bình tăng 7,3%, Nghệ An tăng 6,4%, đặc biệt Yên Bái và Phú

---

[1] Chăn nuôi trâu, bò lấy thịt giảm chủ yếu do điều kiện chăn nuôi khó khăn, chi phí chăn nuôi cao, lợi nhuận mang lại thấp, dẫn đến việc giảm số lượng đầu con. Tuy nhiên, đàn bò sữa vẫn phát triển ổn định.

[2] Chỉ số giá thịt lợn hơi tháng 7/2024 tăng 0,53% so với tháng trước và tăng 6,49% so với cùng kỳ năm trước.

[3] Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hậu Giang.

Thọ lần lượt tăng 8 lần và 43 lần (tương ứng tăng 111 ha và 593 ha)[4] . Số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 6,5 triệu cây, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng đạt 1.945,7 nghìn m^3, tăng 7,8% do giá gỗ nguyên liệu có xu hướng tăng, người dân đẩy mạnh khai thác gỗ đến tuổi thu hoạch. Một số địa phương có sản lượng khai thác gỗ tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Yên Bái tăng 17,4%; Tuyên Quang tăng 12,7%; Nghệ An tăng 9,7%; Quảng Ngãi 7,9%; Quảng Ninh tăng 7,7%.

Tính chung bảy tháng năm 2024, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 143,4 nghìn ha, tăng 4,6% so cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 51,1 triệu cây, tăng 3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 11.943,2 nghìn m^3, tăng 7,1%.

Diện tích rừng bị thiệt hại[5] trong tháng Bảy là 80,5 ha, giảm 61,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, rừng bị chặt, phá là 49,7 ha, giảm 64,1%; diện tích rừng bị cháy là 30,8 ha, giảm 55,1%. Tính chung bảy tháng năm 2024, cả nước có 1.303,0 ha rừng bị thiệt hại, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 588,0 ha, giảm 23,0%; diện tích rừng bị cháy là 715,0 ha, tăng 16,8%.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 7/2024 ước đạt 841,1 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá ước đạt 588,0 nghìn tấn, tăng 2,0%; tôm ước đạt 139,2 nghìn tấn, tăng 3,2%; thủy sản khác ước đạt 113,9 nghìn tấn, tăng 1,9%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng Bảy ước đạt 490,7 nghìn tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cá đạt 307,9 nghìn tấn, tăng 3,2%; tôm đạt 127,7 nghìn tấn, tăng 3,5 %.

Sản lượng cá tra trong tháng Bảy ước đạt 139,0 nghìn tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước do giá cá tra nguyên liệu duy trì ổn định ở mức giá cao[6] và xuất khẩu cá tra đang có dấu hiệu phục hồi nên hộ nuôi cá và doanh nghiệp điều chỉnh sản lượng nuôi phù hợp để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Sản lượng tôm trong tháng Bảy tăng so với cùng kỳ năm trước do đang vào kỳ thu hoạch. Sản lượng tôm thẻ chân trắng ước đạt 93,1 nghìn tấn, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú ước đạt 29,1 nghìn tấn, tăng 2,4%.

---

[4] Do tháng 7/2023 thời tiết khô hạn nên tỉnh Yên Bái và Phú Thọ chủ động thu hẹp diện tích và không trồng mới rừng.

[5] Số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ 16/6/2024 đến 15/7/2024.

[6] http://agromonitor.vn/category/48/ca-tra: Giá cá tra nguyên liệu tháng 7/2024 dao động từ 26.200-26.600 đồng/kg.

Trong tháng Bảy, sản lượng thủy sản khai thác trong ước đạt 350,4 nghìn tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 280,1 nghìn tấn, tăng 0,7%; tôm đạt 11,5 nghìn tấn tương đương cùng kỳ năm trước; thủy sản khác đạt 58,8 nghìn tấn, tăng 0,2%. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 336,2 nghìn tấn, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 3. Sản lượng thủy sản 7 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023

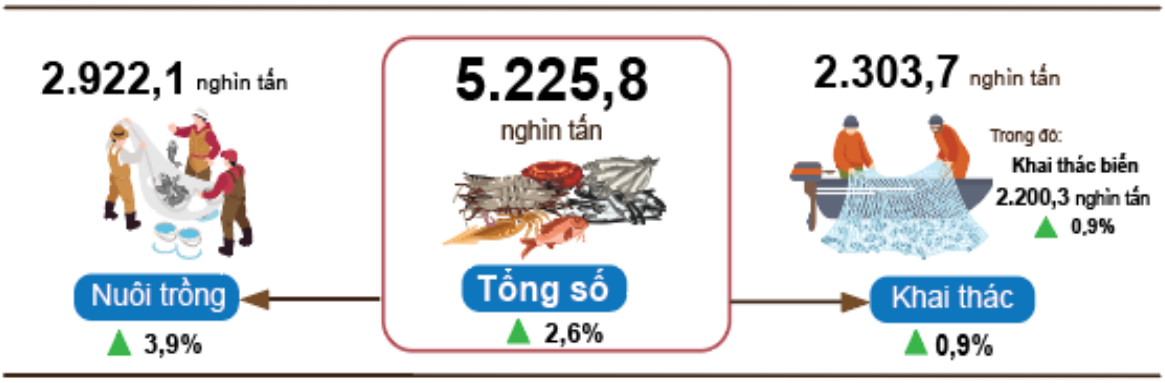

Tính chung bảy tháng năm 2024, sản lượng thủy sản ước đạt 5.225,8 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm: Cá đạt 3.760,2 nghìn tấn, tăng 2,5%; tôm đạt 699,0 nghìn tấn, tăng 3,9%; thủy sản khác 766,6 nghìn tấn, tăng 2,1%.

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng Bảy tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2024, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước[7].

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2024 ước tính tăng 0,7% so với tháng trước[8] và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 13,3%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,9%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 12,1%; riêng ngành khai khoáng giảm 7,0%.

Tính chung bảy tháng năm 2024, IIP ước tính tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 0,8%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo

[7] Tốc độ tăng/giảm chỉ số sản xuất công nghiệp bảy tháng các năm 2020-2024 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 2,6%; 7,6%; 8,6%; -0,8% và 8,5%.

[8] Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP tháng 7/2024 so với tháng trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn là: Bắc Giang tăng 8,7%; Vĩnh Phúc tăng 6,5%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 5,6%; Cần Thơ tăng 4,8%; Thanh Hóa tăng 4,6%; Bình Dương tăng 4,1%; Đà Nẵng tăng 3,7% Thành phố Hồ Chí Minh tăng 3,2%; Hà Nội tăng 2,3%; Quảng Ninh tăng 1,8%; Đồng Nai tăng 1,5%; Thái Nguyên tăng 1,2%; Quảng Ngãi tăng 0,5%; Long An tăng 0,3%; Hải Dương tăng 0,2%; Bắc Ninh giảm 8,3%; Hải Phòng giảm 8,1%; Quảng Nam giảm 5,4%.

tăng 9,5% (cùng kỳ năm 2023 giảm 1,2%), đóng góp 8,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,4% (cùng kỳ năm 2023 tăng 1,4%), đóng góp 1,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,2% (cùng kỳ năm 2023 tăng 5,2%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2% (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,0%), làm giảm 0,9 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất bảy tháng năm 2024 của một số ngành công nghiệp trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 28,7%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 21,5%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 17,3%; khai thác quặng kim loại tăng 15,0%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 13,0%; sản xuất kim loại tăng 12,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 12,5%; dệt và sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí cùng tăng 12,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 11,1%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 7,4%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm: Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 12,4%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 2,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 1,8%; khai thác than cứng và than non giảm 1,3%.

Biểu 1. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 7 tháng các năm 2020-2024 so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm

%

	2020	2021	2022	2023	Ước tính 2024
Khai thác than cứng và than non	4,8	-3,1	7,3	-2,2	-1,3
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-11,0	-10,9	-1,6	-1,0	-12,4
Khai thác quặng kim loại	14,0	5,6	8,3	7,9	15,0
Sản xuất chế biến thực phẩm	3,3	3,8	7,1	4,5	7,4
Dệt	0,8	9,3	3,8	0,2	12,4
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	7,5	1,7	3,7	5,1	17,3
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	2,2	3,1	-8,0	8,1	28,7
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	1,6	5,4	6,3	-4,8	-1,8
Sản xuất kim loại	-2,3	33,4	0,0	-1,7	12,8
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	2,3	8,7	9,8	5,5	13,0
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	9,2	10,7	11,6	-4,2	11,1
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	2,4	7,4	5,7	1,4	12,4

Chỉ số sản xuất công nghiệp bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 60 địa phương và giảm ở 03 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành

sản xuất và phân phối điện tăng cao[9]. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP giảm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm[10].

Hình 4. Tốc độ tăng/giảm IIP 7 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương (%)

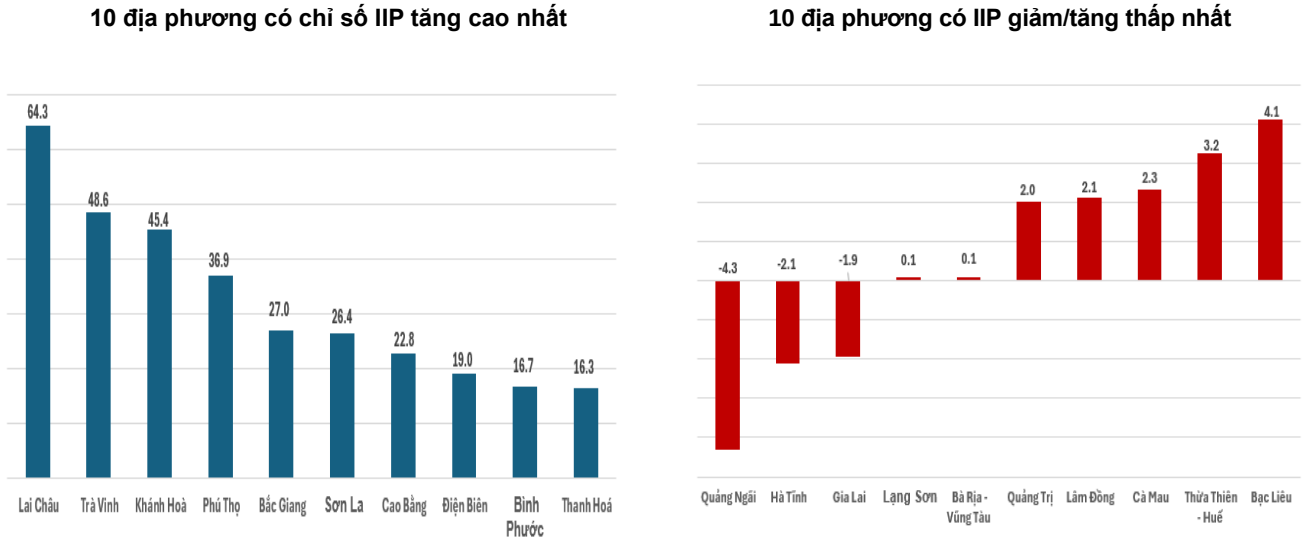

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong bảy tháng năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Thép thanh, thép góc tăng 31,4%; thép cán tăng 17,8%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 17,0%; phân hỗn hợp NPK tăng 14,2%; sữa bột tăng 12,3%; đường kính tăng 12,0%; linh kiện điện thoại tăng 11,7%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Khí đốt thiên nhiên dạng khí và khí hóa lỏng LPG cùng giảm 16,9%; dầu mỏ thô khai thác giảm 7,1%; bia giảm 3,8%; điện thoại di động giảm 3,2%; alumin giảm 3,1%; sắt, thép thô giảm 1,6%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/7/2024 tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 3,3% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và tăng 1,5%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,5% và tăng 0,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,2% và tăng 4,3%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng tăng 0,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,4% so với cùng thời điểm năm

---

[9] Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng cao là: Lai Châu tăng 43,1%; Phú Thọ tăng 38,4%; Bắc Giang tăng 27,5%; Bình Phước tăng 17,1%; Thanh Hóa tăng 15,1%; Điện Biên tăng 8,8%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Khánh Hòa tăng 258,5 %; Lai Châu tăng 66,4 %; Cao Bằng tăng 62,1 %; Điện Biên tăng 51,8%; Sơn La tăng 35,2%; Thanh Hóa tăng 33,0%; Phú Thọ tăng 15,3%.

[10] Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng thấp hoặc giảm là: Cà Mau tăng 1,5%; Gia Lai tăng 0,3%; Hà Tĩnh giảm 8,0%; Quảng Ngãi giảm 4,2%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng thấp hoặc giảm: Quảng Trị tăng 1,7%; Quảng Ngãi giảm 16,9%; Thừa Thiên - Huế giảm 16,1%; Lạng Sơn giảm 15,5%; Lâm Đồng giảm 5,6%; Gia Lai giảm 3,6%. Địa phương có chỉ số sản xuất ngành khai khoáng giảm: Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 14,3%; Lâm Đồng giảm 8,6%; Quảng Trị giảm 4,7%; Lạng Sơn giảm 3,0%; Thừa Thiên - Huế giảm 1,6%.

trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 1,0% và tăng 3,5%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí không đổi so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 1,1% so với cùng thời điểm năm trước; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 1,2% so với cùng thời điểm năm trước.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp[11]

Trong tháng Bảy, cả nước có 14,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là hơn 110 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký hơn 88,4 nghìn lao động, giảm 6,3% về số doanh nghiệp, giảm 22,8% về vốn đăng ký và tăng 3,3% về số lao động so với tháng 6/2024. So với cùng kỳ năm trước, tăng 7,3% về số doanh nghiệp, giảm 13% về số vốn đăng ký và tăng 11,9% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 7,5 tỷ đồng, giảm 17,6% so với tháng trước và giảm 18,9% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có hơn 6,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 26,2% so với tháng trước và giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung bảy tháng năm 2024, cả nước có hơn 95,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 854,6 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 600,4 nghìn lao động, tăng 6,3% về số doanh nghiệp, tăng 2,4% về vốn đăng ký và tăng 2,0% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong bảy tháng năm 2024 đạt 9,0 tỷ đồng, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2023. Nếu tính cả 919,2 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của hơn 27,1 nghìn doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong bảy tháng năm 2024 là 1.773,8 nghìn tỷ đồng, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2023. Bên cạnh đó, cả nước có gần 44,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2023), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong bảy tháng năm 2024 lên gần 139,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2023. Bình quân một tháng có hơn 19,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, bảy tháng năm 2024 có 919 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước; 22,4 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 4,8%; 71,9 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 6,8%.

---

[11] Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày 25/7/2024.

Hình 5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Cũng trong tháng Bảy, có 6.837 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 26,2% so với tháng trước và giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2023; 7.035 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 30,2% và tăng 33,8%; có 1.730 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 22,4% và tăng 9,4%.

Tính chung bảy tháng năm 2024, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là hơn 78 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước; hơn 35,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 1,5%; 11,9 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 14,5%. Bình quân một tháng có hơn 17,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Biểu 2. Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể bảy tháng năm 2024 phân theo một số lĩnh vực hoạt động

	Số lượng doanh nghiệp (Doanh nghiệp)		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Thành lập mới	Giải thể	Thành lập mới	Giải thể
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	38.829	4.896	14,0	32,3
Công nghiệp chế biến chế tạo	11.595	1.269	8,5	7,4
Xây dựng	9.694	838	1,1	2,1
Kinh doanh bất động sản	2.687	693	2,5	-8,3
Vận tải kho bãi	5.076	451	20,4	8,4
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.537	518	-10,7	-7,2
Sản xuất phân phối, điện, nước, gas	692	133	12,5	-30,0

4. Đầu tư

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước tiếp tục được các Bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh thực hiện. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước tăng 8,2% so với tháng trước; tính chung bảy tháng năm 2024 ước đạt 40,6% kế hoạch năm và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam bảy tháng năm 2024 ước đạt 12,55 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước đạt 57,6 nghìn tỷ đồng, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 10,1 nghìn tỷ đồng, giảm 4,9%; vốn địa phương quản lý đạt 47,5 nghìn tỷ đồng, giảm 0,9%. Tính chung bảy tháng năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 301,5 nghìn tỷ đồng, bằng 40,6% kế hoạch năm và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 40,2% và tăng 23,6%). Cụ thể:

- Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 51,9 nghìn tỷ đồng, bằng 44,9% kế hoạch năm và giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Bộ Giao thông vận tải đạt 31,8 nghìn tỷ đồng, giảm 20,9%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt 5,1 nghìn tỷ đồng, tăng 37,6%; Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt 503,3 tỷ đồng, tăng 6,6%; Bộ Y tế đạt 483,6 tỷ đồng, tăng 19,5%; Bộ Tài nguyên và Môi trường đạt 324,5 tỷ đồng, giảm 38,9 %; Bộ Công Thương đạt 302,5 tỷ đồng, tăng 10,3%.

- Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 249,6 nghìn tỷ đồng, bằng 39,8% kế hoạch năm và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt gần 166,8 nghìn tỷ đồng, bằng 37,8% và tăng 2,3%;

Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 71,3 nghìn tỷ đồng, bằng 43,3% và tăng 6,7%;

Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 11,5 nghìn tỷ đồng, bằng 54,8% và tăng 5,1%.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước bảy tháng năm 2024 của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Hình 6. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước của một số địa phương

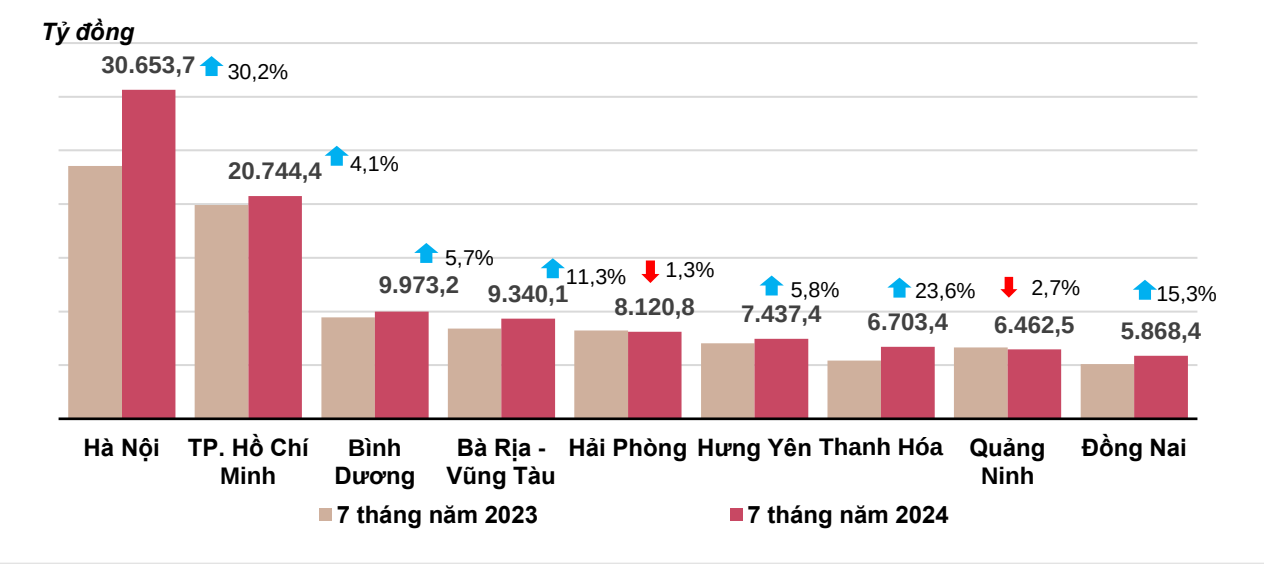

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam[12] tính đến ngày 20/7/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 18 tỷ USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7. Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/7 các năm 2020-2024 (Tỷ USD)

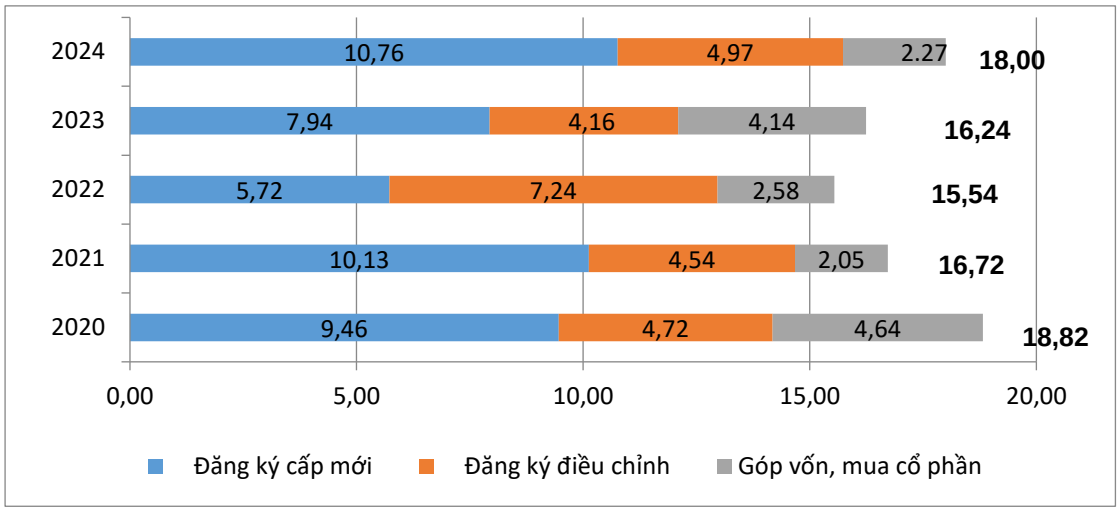

- Vốn đăng ký cấp mới có 1.816 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 10,76 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 35,6% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 7,88 tỷ USD, chiếm 73,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,94 tỷ USD, chiếm 18%; các ngành còn lại đạt 939,7 triệu USD, chiếm 8,8%.

Trong số 62 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong bảy tháng năm 2024, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 4,55 tỷ USD, chiếm 42,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Đặc khu hành chính Hồng Công (Trung Quốc) 1,31 tỷ USD, chiếm 12,1%; Trung Quốc 1,22 tỷ USD, chiếm 11,3%; Nhật Bản 991,5 triệu USD, chiếm 9,2%; Thổ Nhĩ Kỳ 731,3 triệu USD, chiếm 6,8%; Đài Loan 588,4 triệu USD, chiếm 5,5%.

- Vốn đăng ký điều chỉnh có 734 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 4,97 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu tính cả vốn đăng ký mới và vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 12,23 tỷ USD, chiếm 77,8% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,11 tỷ USD, chiếm 13,4%; các ngành còn lại đạt 1,39 tỷ USD, chiếm 8,8%.

[12] Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhận ngày 22/7/2024.

- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.795 lượt với tổng giá trị góp vốn 2,27 tỷ USD, giảm 45,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 689 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 1,03 tỷ USD; 1.106 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,24 tỷ USD. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 759,6 triệu USD, chiếm 33,5% giá trị góp vốn; công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 422,5 triệu USD, chiếm 18,6%; các ngành còn lại 1,09 tỷ USD, chiếm 47,9%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam bảy tháng năm 2024 ước đạt 12,55 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của bảy tháng trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 9,98 tỷ USD, chiếm 79,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,14 tỷ USD, chiếm 9,1%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 481,1 triệu USD, chiếm 3,8%.

Hình 8. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 7 tháng các năm 2020-2024 (Tỷ USD)

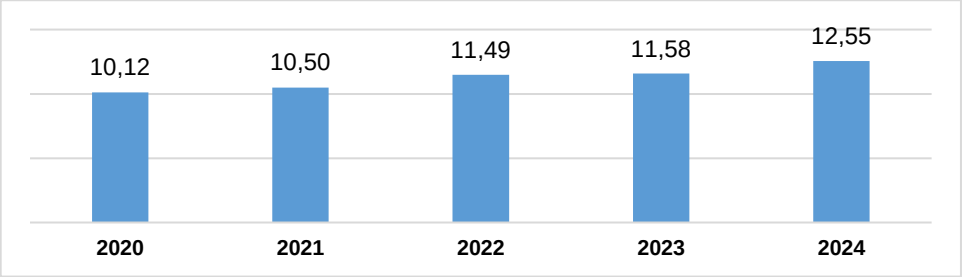

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong bảy tháng năm 2024 có 64 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 122 triệu USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm trước; có 15 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 28,6 triệu USD, giảm 83,3%.

Tính chung bảy tháng năm 2024, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 150,7 triệu USD, giảm 53% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khai khoáng đạt 58,6 triệu USD, chiếm 38,9% tổng vốn đầu tư; công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 28,9 triệu USD, chiếm 19,2%; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 24,7 triệu USD, chiếm 16,4%; dịch vụ khác đạt 10,0 triệu USD, chiếm 6,6%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí đạt 6,8 triệu USD, chiếm 4,5%.

Trong bảy tháng năm 2024, có 23 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Hà Lan là nước dẫn đầu với 54,6 triệu USD, chiếm 36,2% tổng vốn đầu tư; Lào 36,7 triệu USD, chiếm 24,3%; Hoa Kỳ 18,7 triệu USD, chiếm 12,4%; Cam-pu-chia 12,4 triệu USD, chiếm 8,2%; Niu-di-lân 5,9 triệu USD, chiếm 3,9%.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước[13]

Thu ngân sách Nhà nước bảy tháng năm 2024 ước tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2023, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

Hình 9. Thu, chi ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2024

Thu ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước đạt gần 150 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước bảy tháng năm 2024 ước đạt 1.188,1 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% dự toán năm và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản thu chính như sau:

- *Thu nội địa* tháng 7/2024 ước đạt 126,2 nghìn tỷ đồng; lũy kế bảy tháng năm 2024 ước đạt 995 nghìn tỷ đồng, bằng 68,9% dự toán năm và tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước.

- *Thu từ dầu thô* tháng 7/2024 ước đạt 4,8 nghìn tỷ đồng; lũy kế bảy tháng năm 2024 ước đạt 34,4 nghìn tỷ đồng, bằng 74,7% dự toán năm và giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước.

- *Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu* tháng 7/2024 ước đạt 18,8 nghìn tỷ đồng; lũy kế bảy tháng năm 2024 ước đạt 158,5 nghìn tỷ đồng, bằng 77,7% dự toán năm và tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách Nhà nước

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước đạt 152,6 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng chi ngân sách Nhà nước bảy tháng năm 2024 ước đạt 948,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44,7% dự toán năm và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên bảy tháng năm 2024 ước đạt 652,5 nghìn tỷ đồng, bằng 51,8% dự toán năm và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 232,1 nghìn tỷ đồng, bằng 34,3% và giảm 8,4%; chi trả nợ lãi 63,2 nghìn tỷ đồng, bằng 56,5% và tăng 7,7%.

[13] Theo Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực tài chính - ngân sách Nhà nước tháng 7 và 7 tháng năm 2024 của Bộ Tài chính gửi ngày 26/7/2024.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2024 tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước nhờ đóng góp tích cực của ngành du lịch. Tính chung bảy tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 15,2%; doanh thu du lịch lữ hành tăng 31,8%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 7/2024 ước đạt 528,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 12,1%[14]; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 5,3%; may mặc tăng 6,9%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 13,9%; du lịch lữ hành tăng 6,8%.

Biểu 3. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành

Nghìn tỷ đồng

	Ước tính tháng 7 năm 2024	Ước tính 7 tháng năm 2024	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 7 năm 2024	7 tháng năm 2024
Tổng số	**528,3**	**3.625,7**	**9,4**	**8,7**
Bán lẻ hàng hóa	405,5	2.801,1	8,6	7,4
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	62,2	419,2	13,9	15,2
Du lịch lữ hành	5,6	35,2	6,8	31,8
Dịch vụ khác	55,0	370,2	10,8	9,4

Tính chung bảy tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.625,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 10,6%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,2% (cùng kỳ năm 2023 tăng 9,8%).

Hình 10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành 7 tháng các năm 2020-2024

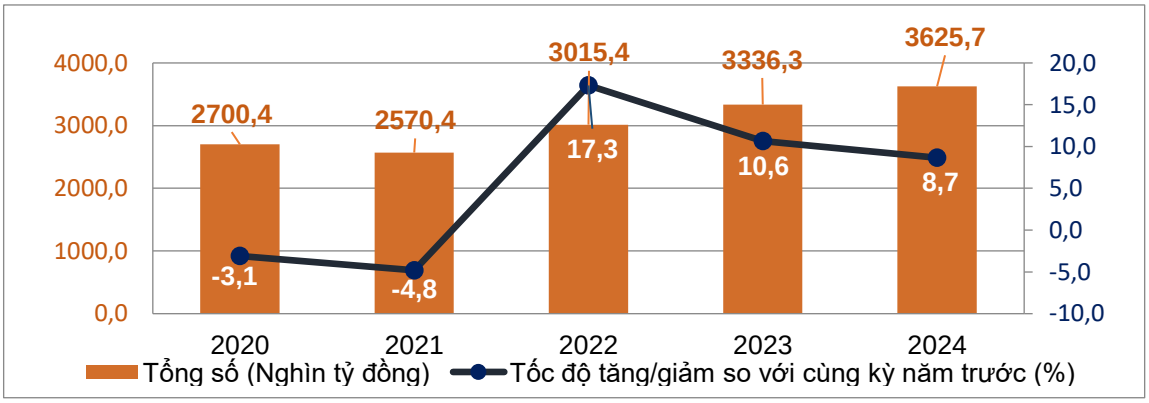

[14] Giá lương thực, thực phẩm tháng 7/2024 tăng khá cao, góp phần làm doanh thu của nhóm hàng này tăng cao so với cùng năm trước (Chỉ số giá nhóm lương thực tăng 14,39%; nhóm thực phẩm tăng 2,75% so với cùng kỳ năm 2023).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa bảy tháng năm 2024 ước đạt 2.801,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,3% tổng mức và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 4,3%). Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 10,7%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 11,1%; may mặc tăng 9,1%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 3,4%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 11,2%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Quảng Ninh tăng 10,2%; Đà Nẵng tăng 7,8%; Cần Thơ tăng 7,6%; Hà Nội tăng 6,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 6,3%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống bảy tháng năm 2024 ước đạt 419,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,6% tổng mức và tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Quảng Ninh tăng 25,2%; Đà Nẵng tăng 23,4%; Cần Thơ tăng 12,0%; Hà Nội tăng 11,3% và Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,9%.

Doanh thu du lịch lữ hành bảy tháng năm 2024 ước đạt 35,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,0% tổng mức và tăng 31,8% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành bảy tháng năm 2024 của một số địa phương như sau: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 42,2%; Đà Nẵng tăng 38,6%; Cần Thơ tăng 33,7%; Hà Nội tăng 29,7%; Quảng Ninh tăng 21,0%; Bình Dương tăng 18,5%.

Doanh thu dịch vụ khác bảy tháng năm 2024 ước đạt 370,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác bảy tháng năm 2024 của một số địa phương như sau: Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 12,3%; Hà Nội tăng 8,2%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,0%; Hải Phòng tăng 4,3%; Hưng Yên giảm 6,2%; Đà Nẵng giảm 7,2%.

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa[15]

Trong tháng Bảy, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa[16] ước đạt 69,72 tỷ USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 439,88 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15,7%; nhập khẩu tăng 18,5%[17]. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 14,08 tỷ USD.

---

[15] Kim ngạch xuất khẩu tính theo giá F.O.B và kim ngạch nhập khẩu tính theo giá C.I.F (bao gồm chi phí vận tải, bảo hiểm của hàng nhập khẩu).

[16] Ước tính tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tháng 7/2024 do Tổng cục Hải quan cung cấp ngày 26/7/2024. Tổng cục Thống kê ước tính trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 7/2024 dựa trên số liệu sơ bộ về trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu đến hết ngày 25/7/2024 do Tổng cục Hải quan cung cấp.

[17] Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa bảy tháng năm 2023 đạt 375,8 tỷ USD, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 196,1 tỷ USD, giảm 10%; nhập khẩu đạt 179,7 tỷ USD, giảm 17,1%.

Hình 11. Xuất, nhập khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2024

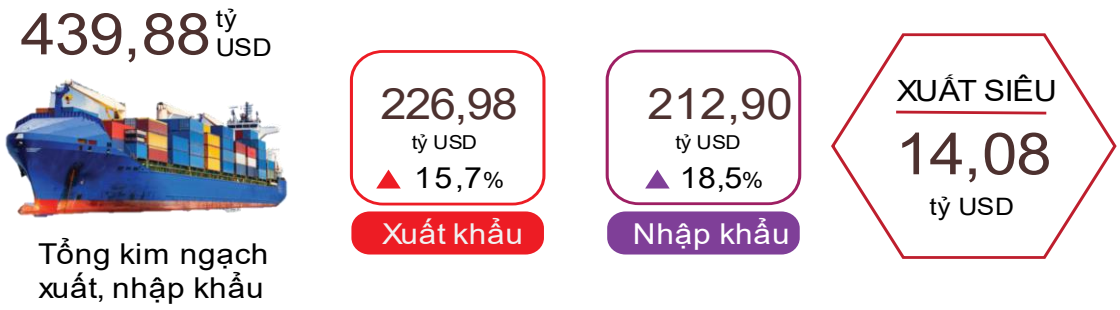

Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2024 sơ bộ đạt 33,66 tỷ USD, cao hơn 568 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2024 ước đạt 35,92 tỷ USD, tăng 6,7% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,87 tỷ USD, tăng 9,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 26,05 tỷ USD, tăng 5,6%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Bảy ước tính tăng 19,1%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 25,9%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 16,7%.

Tính chung bảy tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 226,98 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 63,08 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 27,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 163,9 tỷ USD, tăng 13,8%, chiếm 72,2%.

Trong bảy tháng năm 2024 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 70,8%).

Biểu 4. Trị giá một số mặt hàng xuất khẩu 7 tháng năm 2024

	Ước tính *(Triệu USD)*	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước *(%)*
Các mặt hàng đạt giá trị trên 5 tỷ USD		
Điện tử, máy tính và linh kiện	39.867	30,0
Điện thoại và linh kiện	32.446	12,3
Máy móc thiết bị, dụng cụ PT khác	27.656	19,0
Dệt, may	19.873	4,2
Giày dép	12.818	10,1
Gỗ và sản phẩm gỗ	8.876	23,3
Phương tiện vận tải và phụ tùng	8.411	2,5
Sắt thép	5.475	9,8
Thủy sản	5.293	7,3

Hình 12. Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 7 tháng năm 2024

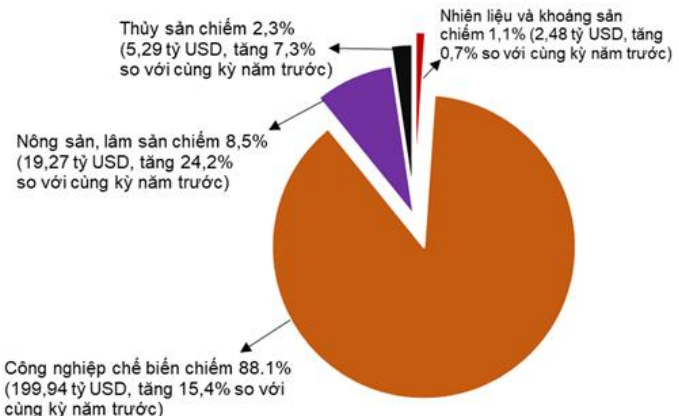

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu bảy tháng năm 2024, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 2,48 tỷ USD, chiếm 1,1%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 199,94 tỷ USD, chiếm 88,1%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 19,27 tỷ USD, chiếm 8,5%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 5,29 tỷ USD, chiếm 2,3%.

Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2024 sơ bộ đạt 30,46 tỷ USD, cao hơn 307 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2024 ước đạt 33,8 tỷ USD, tăng 11% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 12,2 tỷ USD, tăng 11,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21,6 tỷ USD, tăng 10,8%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Bảy tăng 24,7%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 16,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 29,9%.

Tính chung bảy tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 212,9 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 78 tỷ USD, tăng 21,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 134,9 tỷ USD, tăng 16,9%.

Trong bảy tháng năm 2024 có 35 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 89,4% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 10 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 62,5%).

Biểu 5. Trị giá một số mặt hàng nhập khẩu 7 tháng năm 2024

	Ước tính *(Triệu USD)*	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước *(%)*
Các mặt hàng đạt giá trị trên 5 tỷ USD		
Điện tử, máy tính và LK	58.822	28,1
Máy móc thiết bị, DC PT khác	26.404	14,6
Vải	8.493	14,8
Sắt thép	6.917	23,4
Chất dẻo	6.405	17,5
Kim loại thường khác	5.479	27,2
Điện thoại và linh kiện	5.440	26,9

	Ước tính *(Triệu USD)*	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước *(%)*
Xăng dầu	5.086	4,0
Dầu thô	5.045	19,1
Than đá	5.013	15,5

Hình 13. Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 7 tháng năm 2024

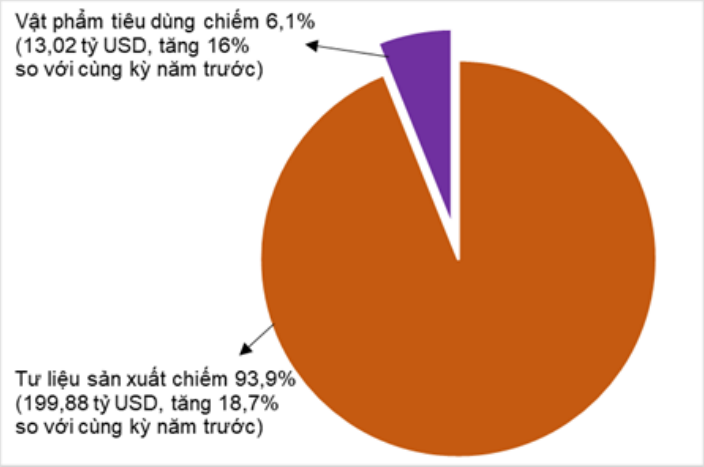

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu bảy tháng năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 199,88 tỷ USD, chiếm 93,9%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 46,2%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 47,7%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng ước đạt 13,02 tỷ USD, chiếm 6,1%.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa bảy tháng năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 66,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 79,2 tỷ USD. Trong bảy tháng năm 2024, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 57,5 tỷ USD tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU ước đạt 20,1 tỷ USD, tăng 19,4%; xuất siêu sang Nhật Bản 1,1 tỷ USD, giảm 14%; nhập siêu từ Trung Quốc 45,8 tỷ USD, tăng 65,4%; nhập siêu từ Hàn Quốc 17,7 tỷ USD, tăng 15,7%; nhập siêu từ ASEAN 5,5 tỷ USD, tăng 21%.

Hình 14. Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hoá chủ yếu 7 tháng năm 2024

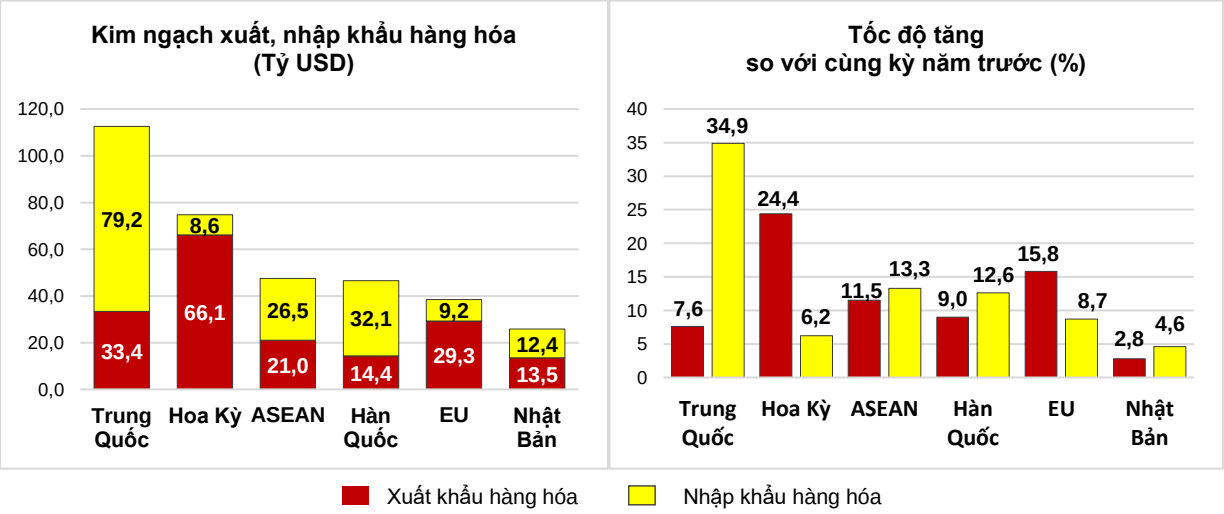

Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ tháng Sáu xuất siêu 3,2 tỷ USD[18]; sáu tháng xuất siêu 11,96 tỷ USD; tháng Bảy ước tính xuất siêu 2,12 tỷ USD. Tính chung bảy tháng năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 14,08 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 16,5 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 14,92 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29 tỷ USD.

c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá xăng dầu trong nước tăng theo giá thế giới, nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt tăng và mức đóng bảo hiểm y tế được điều chỉnh theo mức lương cơ sở mới là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2024 tăng 0,48% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng Bảy tăng 1,89% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,36%.

Bình quân bảy tháng năm 2024, CPI tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,73%.

Hình 15. Tốc độ tăng CPI tháng 7/2024 so với tháng trước

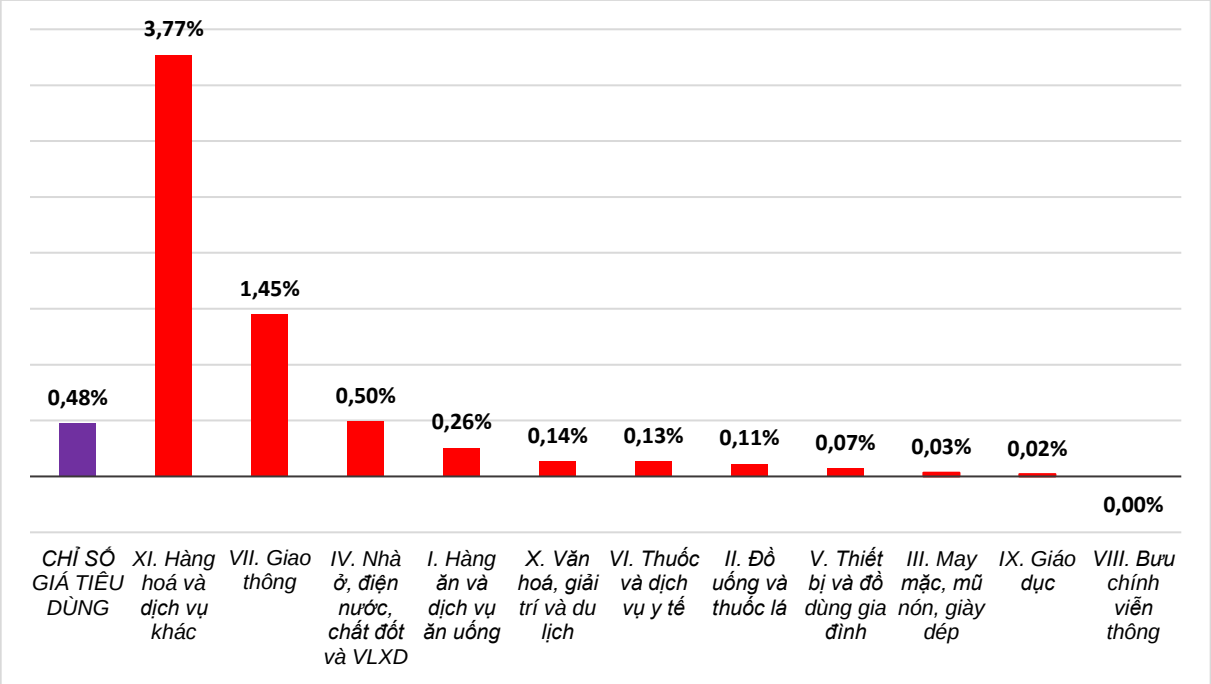

Trong mức tăng 0,48% của CPI tháng 7/2024 so với tháng trước, có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng; riêng nhóm bưu chính, viễn thông ổn định giá.

Mười nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 3,77% chủ yếu do giá bảo hiểm y tế tăng 28,45% khi mức lương cơ sở được điều chỉnh từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng. Bên cạnh đó, giá dịch vụ chăm sóc người già tăng 2,5%

[18] Ước tính tháng Sáu xuất siêu 2,94 tỷ USD.

so với tháng trước; sửa chữa đồng hồ đeo tay, đồ trang sức tăng 0,47%; hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,24%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,3%. Ở chiều ngược lại, giá đồ trang sức giảm 0,44% theo giá vàng trong nước; máy dùng điện cho chăm sóc cá nhân giảm 0,08%.

- *Nhóm giao thông* tăng 1,45% (làm cho CPI chung 0,14 điểm phần trăm), chủ yếu do: Giá dầu diezen tăng 4,07%; giá xăng trong nước tăng 3,55% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng. Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 20,44%; đường sắt tăng 4,4%; vận tải hành khách bằng đường bộ tăng 0,04%; vận tải hành khách kết hợp tăng 0,01% do nhu cầu đi lại trong dịp hè tăng. Giá phụ tùng ô tô tăng 0,15%; lốp, săm xe đạp tăng 0,31%; giá lốp săm xe máy tăng 0,09%. Giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,24%; phí thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,15%; phí học bằng lái xe tăng 0,17% do nhu cầu cao. Riêng giá nhóm phương tiện đi lại giảm 0,18% so với tháng trước, trong đó giá xe ô tô mới giảm 0,25%; xe máy giảm 0,16%; xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,03% do các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô áp dụng các chương trình ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ người tiêu dùng mua sắm ô tô.

- *Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 0,5% chủ yếu do các nguyên nhân sau: Giá điện sinh hoạt tăng 1,39%; nước sinh hoạt tăng 0,22%[19]. Giá dầu hỏa tăng 4,02% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng; giá thuê nhà tăng 0,2%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,08%. Riêng giá gas giảm 0,01% so với tháng trước do một số cửa hàng giảm giá để kích cầu tiêu dùng.

- *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 0,26% (làm cho CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm), trong đó: Lương thực giảm 0,03%[20]; thực phẩm tăng 0,31%[21] (làm cho CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm); ăn uống ngoài gia đình tăng 0,25%[22].

- *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 0,14%, trong đó giá dịch vụ du lịch trọn gói tăng 0,23%; nhà khách, khách sạn tăng 0,43% do tháng Bảy học

---

[19] Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 7/2024 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 6/2024.

[20] Chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,27% (Gạo tẻ thường giảm 0,27%; gạo tẻ ngon giảm 0,28%; gạo nếp giảm 0,12%). Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng lương thực tháng Bảy tăng như giá khoai tăng 2,63%; ngô tăng 1,68%; bột mì và mỳ sợi, mỳ, phở, cháo ăn liền cùng tăng 0,42%; miến tăng 0,32%; bột ngô tăng 0,27%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,26%.

[21] Giá thịt lợn tăng 0,79%, theo đó, giá mỡ động vật tăng 1,45%; thịt quay, giò chả tăng 0,49%; nội tạng động vật tăng 0,39%. Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 0,32%; rau gia vị tươi, khô các loại tăng 1,19%; su hào tăng 1,02%; giá quả tươi, chế biến tăng 0,33%; giá trứng tươi các loại tăng 1,99% và trứng đã chế biến tăng 0,31%; giá đồ gia vị tăng 0,5%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,42%; đường, mật tăng 0,24%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,12%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,11%. Bên cạnh các mặt hàng tăng giá, giá thủy sản tươi sống tháng 7/2024 giảm 0,02% so với tháng trước, trong đó giá tôm tươi hoặc ướp lạnh giảm 0,84% do tôm đang vào vụ thu hoạch, nguồn cung dồi dào.

[22] Do đang trong tháng cao điểm du lịch, nhiều địa phương tổ chức các hoạt động, chương trình thu hút khách du lịch khiến nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng. Trong đó, giá uống ngoài gia đình tăng 0,32%; ăn ngoài gia đình tăng 0,26%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,12%.

sinh nghỉ hè nên nhu cầu đi du lịch của các cơ quan, doanh nghiệp và gia đình tăng cao.

- *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,13%, trong đó giá khám chữa bệnh nội trú tăng 0,19%; dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 0,08%. Nguyên nhân do trong tháng 7/2024 tiếp tục có địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,11% do nhu cầu tiêu dùng tăng khi thời tiết nắng nóng, cụ thể: Giá nước giải khát có gas tăng 0,22%; nước quả ép tăng 0,16%; bia các loại và nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp cùng tăng 0,08%; rượu các loại tăng nhẹ 0,02%. Giá thuốc hút tăng 0,2% so với tháng trước.

- *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,07% do chi phí nhân công tăng. Trong đó, dịch vụ sửa chữa máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,42% so với tháng trước; dịch vụ sửa chữa máy giặt tăng 0,31%; sửa chữa thiết bị có động cơ tăng 0,12%; máy giặt tăng 0,22%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,17%; thuê người phục vụ tăng 0,16%. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có giá giảm so với tháng trước do nhiều cửa hàng tiếp tục áp dụng các chương trình kích cầu mua sắm như: Giá máy đánh trứng, máy trộn đa năng giảm 1,28%; bếp gas giảm 0,32%; nồi cơm điện giảm 0,24%; máy in, máy chiếu, máy quét giảm 0,23%; đệm giảm 0,22%; bình nước nóng nhà tắm giảm 0,17%; máy hút bụi giảm 0,15%.

- *Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép* tăng 0,03% do chi phí vận chuyển và nhân công tăng. Trong đó, giá dịch vụ giày, dép tăng 0,37%; dịch vụ may mặc tăng 0,21%; vải các loại tăng 0,19%; mũ nón tăng 0,16%; giày dép tăng 0,07%.

- *Nhóm giáo dục* tăng 0,02%, trong đó giá sản phẩm từ giấy tăng 0,4%; bút viết các loại tăng 0,15%; sách giáo khoa tăng 0,05%.

Riêng nhóm bưu chính, viễn thông giữ mức giá ổn định do các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh tiếp tục thực hiện chương trình khuyến mại, kích cầu mua sắm. Trong đó, máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,39% so với tháng trước; giá sửa chữa điện thoại tăng 0,19%.

Lạm phát cơ bản[23] tháng 7/2024 tăng 0,36% so với tháng trước, tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước.

---

[23] CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

Bình quân bảy tháng năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,73% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,12%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Tính đến ngày 24/7/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.383,17 USD/ounce, tăng 1,49% so với tháng 6/2024. Giá vàng thế giới tăng khi các nhà đầu tư dự đoán Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) sẽ cắt giảm lãi suất trong tháng 9/2024, cùng với đó rủi ro xung đột địa chính trị trên thế giới cũng làm tăng nhu cầu tích trữ vàng. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 7/2024 giảm 0,12% so với tháng trước; tăng 18,11% so với tháng 12/2023; tăng 29,39% so với cùng kỳ năm trước; bình quân bảy tháng năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 24,77%.

Tính đến ngày 24/7/2024, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 104,61 điểm, giảm 0,24% so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do dao động quanh mức 25.463 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2024 tăng 0,05% so với tháng trước; tăng 4,22% so với tháng 12/2023; tăng 7,14% so với cùng kỳ năm trước; bình quân bảy tháng năm 2024 tăng 5,85%.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa

Hoạt động vận tải tháng Bảy sôi động, tiếp tục duy trì tốc độ tăng tích cực so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận tải hành khách tháng 7/2024 tăng 11,9% về vận chuyển và tăng 5,5% về luân chuyển; vận tải hàng hóa tăng 14,5% về vận chuyển và tăng 12,4% về luân chuyển.

Tính chung bảy tháng năm 2024, vận chuyển hành khách tăng 7,2% và luân chuyển tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hàng hóa tăng 13,3% và luân chuyển tăng 11,3%.

Vận tải hành khách tháng 7/2024 ước đạt 447,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 6,4% và luân chuyển 22,7 tỷ lượt khách.km, tăng 2,9% so với tháng trước do nhu cầu đi lại, du lịch của người dân tăng trong mùa cao điểm du lịch. Tính chung bảy tháng năm 2024, vận tải hành khách ước đạt 2.805,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 155,6 tỷ lượt khách.km, tăng 10,5%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 2.795,4 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước và 123,1 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 6,0%; vận tải ngoài nước ước đạt 10,3 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 21,6% và 32,5 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 31,7%.

Biểu 6. Vận tải hành khách 7 tháng năm 2024 phân theo ngành vận tải

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu HK)	Luân chuyển (Tỷ HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	**2.805,7**	**155,6**	**7,2**	**10,5**
Đường sắt	4,6	1,8	19,5	22,9
Đường biển	7,9	0,5	1,7	8,2
Đường thủy nội địa	214,0	4,3	9,1	13,8
Đường bộ	2.549,6	99,1	7,3	11,5
Hàng không	29,6	49,9	-12,4	7,9

Vận tải hàng hóa tháng 7/2024 ước đạt 217,9 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 1,2% so với tháng trước và luân chuyển 45,4 tỷ tấn.km, tăng 1,2%. Tính chung bảy tháng năm 2024, vận tải hàng hóa ước đạt 1.476,8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 302,2 tỷ tấn.km, tăng 11,3%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 1.449,8 triệu tấn vận chuyển, tăng 13,5% và 183,5 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước; vận tải ngoài nước ước đạt 27,0 triệu tấn vận chuyển, tăng 5,9% và 118,7 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 18,5%.

Biểu 7. Vận tải hàng hóa 7 tháng năm 2024 phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Tỷ tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	**1.476,8**	**302,2**	**13,3**	**11,3**
Đường sắt	2,9	2,2	13,9	4,6
Đường biển	77,2	156,8	15,2	10,3
Đường thủy nội địa	315,7	67,8	12,5	12,6
Đường bộ	1.080,7	69,7	13,5	11,8
Hàng không	0,3	5,7	45,0	23,1

đ) Khách quốc tế đến Việt Nam[24]

Chính sách thị thực thuận lợi, chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch năm 2024 được các địa phương trên cả nước đẩy mạnh đã thu hút lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng 7/2024[25], khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1,15 triệu lượt người, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2024, khách quốc tế đến nước ta đạt gần 10 triệu lượt người, tăng 51,0% so với cùng

[24] Theo báo cáo của Cục cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Quốc phòng và Cục Xuất nhập cảnh, Bộ Công an ngày 20/7/2024.
[25] Kỳ báo cáo từ ngày 21/6/2024-20/7/2024.

kỳ năm trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Trong tổng số gần 10 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam bảy tháng năm nay, khách đến bằng đường hàng không đạt 8,4 triệu lượt người, chiếm 84,2% tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam và tăng 45,1% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 1,4 triệu lượt người, chiếm 14,1% và tăng 84,2%; bằng đường biển đạt 165,5 nghìn lượt người, chiếm 1,7% và gấp 3 lần cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Khách quốc tế đến Việt Nam 7 tháng năm 2024 phân theo vùng lãnh thổ

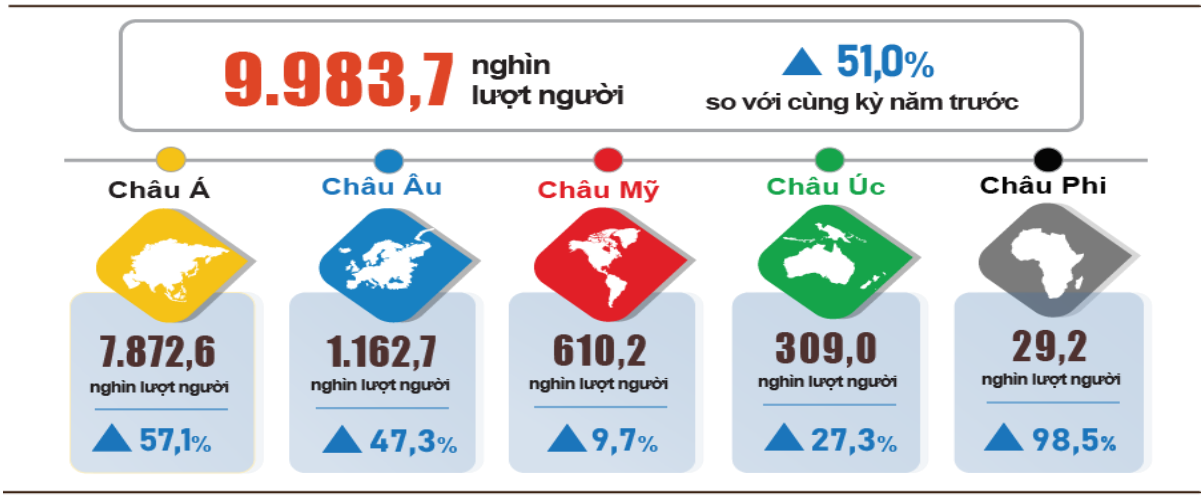

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư

Theo khảo sát tình hình đời sống của hộ dân cư tháng 7/2024, tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập trong tháng không thay đổi và tăng lên so với cùng kỳ năm trước là 95,8% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với kỳ báo cáo tháng 6/2024 và tăng 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước); tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập giảm và không biết so với tháng cùng kỳ năm 2023 là 4,2%.

Các hộ có thu nhập tháng Bảy giảm so với cùng kỳ năm trước nhận định nguyên nhân[26] chủ yếu là: Có thành viên hộ mất việc làm hoặc tạm nghỉ việc (tỷ lệ 41%); do quy mô các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ giảm (25,5%); do chi phí đầu vào cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ tăng (24%); do giá bán các sản phẩm từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ giảm (17,9%).

Trong bảy tháng năm 2024, có 30,8% hộ cho biết đã trải qua ít nhất một sự kiện gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống gia đình, tỷ lệ này không thay đổi so với tháng trước và giảm 1,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Trong

[26] Một hộ dân cư có thể lựa chọn nhiều nguyên nhân làm giảm thu nhập.

số các hộ chịu ảnh hưởng tiêu cực của các sự kiện: Có 30,1% hộ đang phải chịu những ảnh hưởng do giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao; 2,6% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với con người và 1,8% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với vật nuôi, cây trồng.

Trong bảy tháng năm 2024, có 12,4% hộ gia đình được phỏng vấn nhận được sự trợ giúp từ các nguồn hỗ trợ khác nhau. Trong đó, tỷ lệ hộ nhận được trợ giúp từ họ hàng, người thân là 8,4%; từ các chương trình, chính sách của địa phương là 4,5%; từ các chương trình, chính sách chung của quốc gia là 4,0%; từ các hoạt động từ thiện của các tổ chức và cá nhân khác là 1,6% và từ các nguồn khác là 0,02%.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, ngành thực hiện kịp thời, hiệu quả, trong đó nổi bật là chính sách tăng mức lương cơ sở[27]. Chính sách tặng quà tri ân nhân dịp kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ[28] gồm hai mức quà tặng 600.000 đồng và mức 300.000 đồng theo từng đối tượng cụ thể.

Về hỗ trợ gạo, theo báo cáo từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong bảy tháng năm nay, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ cho người dân hơn 21,3 nghìn tấn gạo, trong đó: Chính phủ hỗ trợ 10,4 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn cho 693,4 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ hơn 5,9 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2024 cho 396,3 nghìn nhân khẩu. Các địa phương cũng xây dựng kế hoạch, chủ động bố trí ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ gần 5 nghìn tấn gạo cho các hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Theo báo cáo của Bộ Y tế, trong tháng (từ 19/6-18/7/2024), cả nước có 10.434 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (01 ca tử vong); 6.057 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 437 trường hợp sốt phát ban nghi sởi; 09 trường hợp tử vong do bệnh dại; 48 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút; 01 trường hợp mắc viêm màng não do não mô cầu. Tính chung bảy tháng năm 2024, cả nước có 35,3 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (04 ca tử vong); 34,6 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 887 trường hợp sốt phát ban nghi sởi; 53 trường hợp tử vong do bệnh dại; 256 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (06 ca tử vong); 12 trường hợp mắc viêm màng não do não mô cầu; 01 trường hợp mắc cúm A và đã tử vong.

---

[27] Từ 01/7/2024, Quốc hội đồng ý điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng (tăng 30%), điều chỉnh tăng 15% mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hiện hưởng theo Nghị quyết số 142/2014/QH15 ngày 29/6/2024. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

[28] Quyết định số 590/QĐ-CTN ngày 15/6/2024 của Chủ tịch nước.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/7/2024 là hơn 240,1 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS là 115 nghìn người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng 7/2024 xảy ra 07 vụ với 264 người bị ngộ độc làm 03 người tử vong. Tính chung bảy tháng năm 2024 (từ ngày 19/12/2023-18/7/2024), cả nước xảy ra 62 vụ với 2.661 người bị ngộ độc (09 người tử vong).

c) Hoạt động văn hóa, thể thao

Trong bảy tháng năm 2024, các hoạt động văn hóa diễn ra sôi nổi với nhiều lễ hội sau dịp Tết Nguyên đán 2024, chủ yếu từ tháng Giêng đến tháng Ba đầu năm. Bên cạnh các hoạt động lễ hội là các hoạt động kỷ niệm 49 năm Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2024) và chuỗi hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2024), Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng - DIFF 2024 (08/6-13/7/2024).

Về phong trào thể dục thể thao quần chúng, một số hoạt động nổi bật diễn ra trong tháng như: Giải bóng chuyền công nhân viên chức lao động tỉnh Lâm Đồng diễn ra từ ngày 18/7-20/7/2024; giải Taekwondo tỉnh Vĩnh Long mở rộng diễn ra ngày 14/7/2024; giải bơi các nhóm tuổi tỉnh Khánh Hòa ngày 11/7/2024; giải Vovinam - Karate Vô địch tỉnh Yên Bái diễn ra từ 12/7-14/7/2024; giải Cầu lông công nhân, viên chức, lao động và lực lượng vũ trang tỉnh Tuyên Quang diễn ra từ 11/7-14/7/2024; giải Bóng đá Nhi đồng Cúp Báo Thanh Hóa lần thứ III diễn ra từ ngày 6/7-12/7/2024. Về thể thao Người khuyết tật Việt Nam có 8 vận động viên giành vé tham dự Paralympic Paris 2024.

Về thể thao thành tích cao, trong tháng Bảy diễn ra một số sự kiện nổi bật như: Giải vô địch Bắn cung trẻ diễn ra từ từ 8/7-13/7/2024 tại tỉnh Hải Dương; U20 Việt Nam lần đầu tiên giành vé dự giải Vô địch Bóng chuyền nữ U21 thế giới 2025; giải Đua thuyền Rowing, Canoeing vô địch trẻ U19, U23 và vô địch Đông Nam Á diễn ra từ ngày 26/6-7/7/2024 tại Hải Phòng; đội tuyển bóng đá U16 Việt Nam giành vị trí thứ tư chung cuộc tại giải Vô địch U16 Đông Nam Á 2024 từ ngày 11-24/7/2024 tại In-đô-nê-xi-a.

d) Tai nạn giao thông[29]

Trong tháng (từ 15/6-14/7/2024), trên địa bàn cả nước xảy ra 1.889 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 1.355 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên (làm 860 người chết, 837 người bị thương) và 534 vụ va chạm giao thông làm 587 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 0,3% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 1% và số vụ va chạm

[29] Theo báo cáo nhanh từ Văn phòng Bộ Công an và Cục Hàng hải Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) ngày 23/7/2024.

giao thông tăng 1,7%); số người chết tăng 1,3%; số người bị thương tăng 2,6% và số người bị thương nhẹ tăng 5,4%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Bảy tăng 11,2% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 6,3% và số vụ va chạm giao thông tăng 25,9%); số người chết giảm 8,7%; số người bị thương tăng 18,2% và số người bị thương nhẹ tăng 39,1%.

Tính chung bảy tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 14.242 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 10.083 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 4.159 vụ va chạm giao thông, làm 6.203 người chết, 6.394 người bị thương và 4.582 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong bảy tháng năm nay tăng 15% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 7,3%; số vụ va chạm giao thông tăng 39%); số người chết giảm 10,4%; số người bị thương tăng 22,6% và số người bị thương nhẹ tăng 50,7%. Bình quân 1 ngày trong bảy tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 67 vụ tai nạn giao thông, gồm 47 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 20 vụ va chạm giao thông, làm 29 người chết, 30 người bị thương và 22 người bị thương nhẹ.

đ) Thiệt hại do thiên tai[30]

Thiệt hại do thiên tai trong tháng Bảy chủ yếu do ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, ngập lụt làm 23 người chết, 11 người bị thương; 789 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hỏng; 53,2 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong tháng là 399,6 tỷ đồng, tăng 89,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm nay, thiên tai làm 91 người chết và mất tích, 67 người bị thương; 28,9 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; 28,4 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết; 25,7 nghìn ha hoa màu và 64,3 nghìn ha lúa bị ngập, hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 2.122,9 tỷ đồng, gấp hơn 2,3 lần cùng kỳ năm 2023.

e) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng (từ 18/6-17/7/2024)[31], các cơ quan chức năng phát hiện 1.513 vụ vi phạm môi trường tại 53/63 địa phương[32], trong đó xử lý 1.486 vụ với tổng số tiền phạt 20,2 tỷ đồng, giảm 23,4% so với tháng trước và giảm 30,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm nay, các cơ quan chức năng phát hiện 14.163 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 12.977 vụ với tổng số tiền phạt là hơn 177 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước.

---

[30] Tổng hợp Báo cáo từ 63 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kỳ báo cáo từ ngày 19/6-18/7/2024.

[31] Theo báo cáo từ Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được các Cục Thống kê tổng hợp.

[32] Có 10 địa phương không phát hiện vi phạm môi trường trong tháng 7/2024: Tuyên Quang, Khánh Hòa, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp và Hậu Giang.

Trong tháng[33], cả nước xảy ra 308 vụ cháy, nổ, làm 20 người chết và 13 người bị thương, thiệt hại ước tính 11,1 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và giảm 59,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 2.539 vụ cháy, nổ, làm 75 người chết và 65 người bị thương, thiệt hại ước tính 139 tỷ đồng, giảm 39,3% so với cùng kỳ năm trước./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch nước;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các cơ quan thuộc Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các cơ quan thuộc Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các đoàn thể Trung ương;
- Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp VN;
- Các đơn vị thuộc Bộ KHĐT;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Các đơn vị thuộc TCTK;
- Lưu: VT, TKTH.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

[33] Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/7/2024.